

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình tiêu hủy chất thải rắn y tế nguy hại Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc của Sở Y tế Thanh Hoá; Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường cơ sở Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc từ 200 giường bệnh lên 290 giường bệnh, tại thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy xác nhận số 01/GXN-UBND, ngày 04/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc hoàn thành công trình bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 68/BQLDA-GS ngày 05/7/2024 và Công văn số 83/CV-BQLDA ngày 10/09/2024 của Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc và Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Hậu Lộc;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1464/TTr-STNMT ngày 17 tháng 9 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc tại thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc tại thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu

Lộc, tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

- 1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
- 1.3. Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 2516/SYT-GPHĐ ngày 16/11/2015 do Giám đốc Sở Y tế Thanh Hóa cấp.
- 1.4. Loại hình sản xuất kinh doanh: Hoạt động khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe cho người dân.
- 1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:
  - Cơ sở đã được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.
  - Tổng diện tích: Tổng diện tích sử dụng đất 24.419 m<sup>2</sup>.
  - Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
  - Công suất hoạt động: 290 giường bệnh (Thực kê 345 giường bệnh theo báo cáo của Bệnh viện khoa huyện Hậu Lộc và Tờ trình số 4249/TTr-SYT ngày 02/8/2024 của Sở Y tế trình UBND tỉnh giao giường bệnh cho các bệnh viện công lập do tỉnh quản lý).
  - Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc thực hiện đầu tư Dự án “Xây dựng nhà khám chữa bệnh trung tâm Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc” trong khuôn viên khu đất hiện có của bệnh viện.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

- 2.1. Được phép xả nước thải sau xử lý ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc có trách nhiệm:
  - 2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường sau khi được cấp giấy phép môi trường.
  - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

3. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc có trách nhiệm:

3.1. Chỉ được phép bàn giao công trình “nhà khám chữa bệnh trung tâm” cho Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc sau khi đã hoàn thành các công trình xây dựng theo đúng thiết kế, thực hiện khớp nối thoát nước mưa, nước thải của công trình mới với hệ thống thoát nước mưa, nước thải hiện trạng.

3.2. Trong quá trình thi công xây dựng phải có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, quản lý bụi, khí thải nước thải, chất thải rắn đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường.

3.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong phạm vi trách nhiệm theo yêu cầu tại Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.**

(từ ngày 25 tháng 9 năm 2024 đến ngày 25 tháng 9 năm 2034).

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 128/GP-UBND ngày 23/7/2020 và Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 01/GXN-UBND ngày 04/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Hậu Lộc và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép,

yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của bệnh viện được cấp phép ra môi trường./.

***Nơi nhận:***

- Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc (để t/hiện);
- Ban QLDA ĐTXD huyện Hậu Lộc (để t/hiện);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Hậu Lộc (để theo dõi);
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**PHỤ LỤC 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ**  
**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ**  
**NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số      /GP-UBND ngày      /      /2024  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ Nhà khám chữa bệnh trung tâm 7 tầng, bao gồm: Nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, DN (90-110) → Ống nhựa PVC, DN110 → Hố ga thu nước thải; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, DN 110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hố ga thu nước thải.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ Nhà sản, ngoại, bao gồm: Nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, DN (90-110) → Ống nhựa PVC, DN110 → Hố ga thu nước thải; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, DN 110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hố ga thu nước thải.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ Khu điều trị ngoại trú, bao gồm: Nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, DN (90-110) → Ống nhựa PVC, DN110 → Hố ga thu nước thải; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, DN 110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hố ga thu nước thải.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú: Nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, DN (90-110) → Ống nhựa PVC, DN110 → Hố ga thu nước thải; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, DN 110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hố ga thu nước thải.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ Nhà chụp CLVT, đo loãng xương: Nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, DN (90-110) → Ống nhựa PVC, DN110 → Hố ga thu nước thải; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, DN 110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hố ga thu nước thải.

- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ Khoa xét nghiệm: Nước thải từ chậu rửa chân tay, labo xét nghiệm, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, DN (90-110) → Ống nhựa PVC, DN110 → Hố ga

thu nước thải; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, DN 110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga thu nước thải.

- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ Nhà điều trị nội, nhi, cấp cứu, chuyên khoa,...: Nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, DN(90-110) → Ống nhựa PVC, DN110 → Hồ ga thu nước thải; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, DN 110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga thu nước thải.

- Nguồn số 08: Nước thải phát sinh từ Nhà khoa nội 2: Nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, DN (90-110) → Ống nhựa PVC, DN110 → Hồ ga thu nước thải; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, DN 110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga thu nước thải.

- Nguồn số 09: Nước thải phát sinh từ Nhà kỹ thuật ngoại sản: Nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, DN (90-110) → Ống nhựa PVC, DN110 → Hồ ga thu nước thải; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, DN 110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga thu nước thải.

- Nguồn số 10: Nước thải phát sinh từ Nhà kiểm soát nhiễm khuẩn: Nước thải từ chậu rửa chân tay tắm giặt, nước thoát sàn nhà vệ sinh,... → Ống nhựa PVC, DN (90-110) → Ống nhựa PVC, DN110 → Hồ ga thu nước thải; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, DN 110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga thu nước thải.

- Nguồn số 11: Nước thải phát sinh từ Nhà Đông y và phục hồi chức năng: Nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, DN (90-110) → Ống nhựa PVC, DN110 → Hồ ga thu nước thải; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, DN 110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga thu nước thải.

- Nguồn số 12: Nước thải phát sinh từ Nhà khoa dinh dưỡng, bếp: Nước thải từ vệ sinh sàn nhà; rửa bát đĩa, dụng cụ nấu ăn → Bể tách dầu mỡ → Hồ ga thu nước thải.

## **2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

Bệnh viện có 01 dòng nước thải sau Trạm xử lý nước thải ra môi trường.

### **2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Mương thoát nước chung của khu vực sau đó ra sông Trà Giang, đoạn chảy qua trước cổng Bệnh viện tại Thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

### **2.2. Vị trí xả nước thải:**

Vị trí xả thải ra mương thoát nước chung khu vực, sau đó chảy ra sông Trà Giang có tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ) như sau:

- Tọa độ vị trí xả nước thải ra mương thoát nước chung của khu vực: X= 2203202(m); Y = 592491(m).

- Tọa độ vị trí xả nước thải từ mương thoát nước chung ra sông Trà Giang: X= 2203188(m); Y = 592508(m).

Điểm xả nước thải sau xử lý phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất:  $130 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Hệ thống đường ống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí xả vào nguồn tiếp nhận: Nước thải từ bể chứa nước thải sau xử lý qua đường ống DN200 ra nguồn tiếp nhận.

- Phương thức xả nước thải: Bơm.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.4.3. Chất lượng nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải sau xử lý xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, hệ số  $k = 1$ ); cụ thể:

| TT | Chỉ tiêu phân tích                        | Đơn vị tính    | QCVN 28:2010 / BTNMT (Cột B, $k=1$ ) | Tần suất quan trắc định kỳ                                 | Quan trắc tự động, liên tục        |
|----|-------------------------------------------|----------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| 1  | pH                                        | -              | 6,5 – 8,5                            | Không thuộc trường hợp phải quan trắc môi trường nước thải | Không thuộc đối tượng phải lắp đặt |
| 2  | Hàm lượng BOD <sub>5</sub>                | mg/l           | 50                                   |                                                            |                                    |
| 3  | Hàm lượng COD                             | mg/l           | 100                                  |                                                            |                                    |
| 4  | TSS                                       | mg/l           | 100                                  |                                                            |                                    |
| 5  | Hàm lượng S <sup>2-</sup>                 | mg/l           | 4,0                                  |                                                            |                                    |
| 6  | Hàm lượng N/NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>  | mg/l           | 10                                   |                                                            |                                    |
| 7  | Hàm lượng P/PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> | mg/l           | 10                                   |                                                            |                                    |
| 8  | Hàm lượng N/NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>  | mg/l           | 50                                   |                                                            |                                    |
| 9  | Dầu mỡ động thực vật                      | mg/l           | 20                                   |                                                            |                                    |
| 10 | Coliform                                  | MPN/100ml      | 5.000                                |                                                            |                                    |
| 11 | Samonella                                 | Vi khuẩn/100ml | KPH                                  |                                                            |                                    |

|    |          |                |     |  |  |
|----|----------|----------------|-----|--|--|
| 12 | Shigella | Vi khuẩn/100ml | KPH |  |  |
| 13 | Vibrio   | Vi khuẩn/100ml | KPH |  |  |

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn nước thải đưa về hệ thống xử lý.**

- Tuyến số 01: Nước thải nguồn số 1 → Ống PVC, DN200 → Hố ga (cùng với nước thải nguồn số 2) → Ống PVC, DN200 → Hố ga (cùng với nước thải nguồn số 3 và số 4) → Ống PVC, DN200 → Hố ga (cùng với nước thải nguồn số 5 và số 6) → Ống PVC, DN200 → Hố ga (cùng với nước thải nguồn số 7 và số 8) → Tuyến thu chính bằng đường ống PVC, DN200 → Trạm xử lý nước thải tập trung 200m<sup>3</sup>/ngày đêm;

- Tuyến số 02: Nước thải nguồn số 12 → Ống PVC, DN200 → Hố ga (cùng với nước thải nguồn số 10) → Ống PVC, DN200 → Hố ga (cùng với nước thải nguồn số 9) → Ống PVC, DN200 → Hố ga (cùng với nước thải nguồn số 11) → Tuyến thu chính bằng đường ống PVC, DN200 → Trạm xử lý nước thải tập trung 200m<sup>3</sup>/ngày đêm;

Toàn bộ dòng nước thải phát sinh được thu gom triệt để về Trạm xử lý tập trung xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, hệ số k = 1), sau đó bơm cưỡng bức theo đường ống DN200 → Mương thoát nước chung của khu vực → sông Trà Giang.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

##### **1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ.**

- Bể tự hoại: số lượng 13 bể
- Bể tách dầu mỡ: thể tích 1m<sup>3</sup>

##### **1.2.2. Trạm xử lý nước thải tập trung.**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Ngăn tách rác → Bể điều hoà/khử Nito → 2 modul hợp khối (gồm: Bể hiếu khí có vật liệu đệm vi sinh di động → Bể tách nước tuần hoàn → Bể lọc sinh học → Bể khử trùng) → Bể chứa nước sau xử lý.

- Công suất thiết kế: 200m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clorine (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này).

#### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

#### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương rãnh thu gom nước thải; hố ga; bể tự

hoại; của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tần suất nạo vét:

+ Mương rãnh, hố ga: 03 tháng/lần.

+ Hút bùn cặn trong các bể xử lý: Bể tự hoại, bể thu gom; bể chứa bùn (1 lần/năm).

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống thu gom nước thải để phát hiện ra tình trạng hư hỏng, rò rỉ hoặc tắc nghẽn và kịp thời sửa chữa, thay thế.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện. Cụ thể:

+ Tại hố ga: Hàng ngày kiểm tra các song chắn rác để tránh tình trạng rác bám vào song chắn rác quá nhiều gây tắc nghẽn nước vào hệ thống.

+ Bể khử trùng: Thường xuyên kiểm tra các thiết bị pha chế hóa chất, máy khuấy, hóa chất để đảm bảo các thiết bị khử trùng vẫn hoạt động tốt.

+ Định kỳ kiểm tra đường ống, van khóa như: độ kín, hở của van khóa, khả năng đóng mở của van khóa; hiện tượng rò rỉ đường ống,...

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng, gặp sự cố mà chưa thể kịp thời khắc phục thì toàn bộ lượng nước thải được lưu giữ trong hệ thống, trong trường hợp hệ thống hết chỗ chứa, Bệnh viện hợp đồng đơn vị có chức năng mang đi xử lý, đồng thời nhanh chóng khắc phục hệ thống. Sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại, bơm quay vòng nước thải để xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế mới thải ra môi trường tiếp nhận.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực (thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

### 2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Tại bể chứa nước sau xử lý của Trạm xử lý nước thải tập trung trước khi bơm qua đường ống ra nguồn tiếp nhận.

2.3. Chất ô nhiễm chính và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.4.3, Phần A Phụ lục này

2.4. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.2 Phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; lắp đặt công tơ điện, đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; lượng hóa chất sử dụng...). Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.5. Bệnh viện chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

3.6. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, Bệnh viện phải dừng ngay hoạt động xả thải và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hậu Lộc để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3.7. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc có trách nhiệm thực hiện khớp nối thoát nước mưa, nước thải của công trình mới với hệ thống thoát nước mưa, nước thải hiện trạng./.

**PHỤ LỤC 2**  
**BẢO ĐẢM CÁC GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải (Hệ thống xử lý nước thải tập trung)

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung nằm trong Khuôn viên bệnh viện tại thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Tọa độ đại diện các vị trí phát sinh tiếng ồn và độ rung (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiếu  $3^0$ ) như sau:

- Nguồn số 01: X= 2203296 (m); Y = 592537 (m).
- Nguồn số 02: X= 2203367 (m); Y = 592597 (m).

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép |                           | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|----|----------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------|----------------------|
|    | Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)                                | Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA) |                            |                      |
| 1  | 70                                                       | 60                        | -                          | Khu vực thông thường |

**3.2. Độ rung:**

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép |                          | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|----|----------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------|
|    | Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)                                 | Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB) |                            |                      |
| 1  | 70                                                       | 55                       | -                          | Khu vực thông thường |

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Bệnh viện quy định giờ vào thăm bệnh nhân (cụ thể: Sáng từ 5h - 7h; trưa từ 11h30 - 13h00, chiều từ 17h đến 21h30).

- Quy định các phương tiện ra vào bệnh viện tắt máy khi vào cổng và cấm bóp còi trong khu vực bệnh viện.

- Có các bảng nội quy yêu cầu y bác sỹ, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và khách đến thăm đi nhẹ, nói khẽ.

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị để đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tránh gây tiếng ồn.

- Trong khuôn viên của bệnh viện được trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh không những tăng tính thẩm mỹ cho khu vực bệnh viện, tạo cảm giác dịu êm mà còn có tác dụng rất lớn trong việc hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

- Đối với tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng:

- + Máy phát điện dự phòng được lắp đặt cách xa khu vực khám chữa bệnh của bệnh viện và được đặt trong phòng kín.

- + Để máy phát điện dự phòng được lắp đặt đệm lót bằng cao su để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

- + Định kỳ bảo dưỡng máy phát điện theo quy định.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.3. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc có trách nhiệm:

- Yêu cầu công nhân phải mang đầy đủ bảo hộ lao động mới được tham gia thi công.

- Không sử dụng máy móc thi công đã quá cũ. Máy móc, thiết bị thi công đưa vào sử dụng phải có lý lịch kèm theo và được kiểm tra theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

- Tắt máy móc thiết bị hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để hạn chế cộng hưởng mức ồn ở mức thấp nhất.

- Bố trí thời gian thi công hợp lý để hạn chế tập trung máy móc hoạt động đồng thời, làm cho các chất ô nhiễm phát sinh có nồng độ cao, tránh ảnh hưởng đến hoạt động của bệnh viện.

- Hạn chế hoặc không thi công các công đoạn gây ồn vào ban đêm và giờ nghỉ ngơi, quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án./.

**PHỤ LỤC 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số      /GP-UBND ngày    /    /2024  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh tại bệnh viện:**

**1.1. Khối lượng, danh mục, mã chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

| TT        | Tên chất thải                                                                                                                     | Mã       | Khối lượng ước tính (kg/năm) |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Chất thải y tế nguy hại</b>                                                                                                    |          | <b>6.688</b>                 |
| 1         | Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)                                                                               | 13 01 01 | 6.570                        |
| 2         | Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất                                             | 13 01 03 | 10                           |
| 3         | Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất. | 18 01 04 | 108                          |
| <b>II</b> | <b>Chất thải nguy hại khác</b>                                                                                                    |          | <b>25</b>                    |
| 1         | Bóng đèn huỳnh quang thải                                                                                                         | 16 01 06 | 5                            |
| 2         | Pin, ắc quy thải                                                                                                                  | 16 01 12 | 5                            |
| 3         | Bao bì mềm, giẻ lau thải bị nhiễm thành phần nguy hại.                                                                            | 18 01 01 | 10                           |
| 4         | Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải                                                                                              | 06 05 02 | 5                            |
|           | <b>Tổng</b>                                                                                                                       |          | <b>6.713</b>                 |

**1.2. Khối lượng, danh mục chất thải rắn thông thường (phát sinh từ sinh hoạt và hoạt động khám chữa bệnh).**

| TT | Tên chất thải               | Khối lượng phát sinh (kg/năm) |
|----|-----------------------------|-------------------------------|
| 1  | Chất thải rắn không tái chế | 109.500                       |
| 2  | Chất thải rắn tái chế       | 10.000                        |
|    | <b>Tổng</b>                 | <b>119.500</b>                |

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

#### *2.1.1. Thiết bị lưu chứa*

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 120 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

#### *2.1.2. Khu vực lưu chứa*

- Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải có diện tích 33m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa chất thải nguy hại có mái tôn, tường tôn bao xung quanh, nền bê tông chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng cho sự cố khi thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ; phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định; trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Khu lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

#### *2.2.1. Thiết bị lưu chứa*

- Chất thải được thu gom vào các thùng chứa dung tích 40 lít và 240 lít tại các hành lang, sân đường nội bộ, sau đó tập kết chứa vào 08 xe đẩy tay dung tích 0,5m<sup>3</sup>/xe.

#### *2.2.2. Khu vực lưu chứa:*

- Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải có diện tích 33m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, tường xây gạch, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

## **3. Hoạt động xử lý chất thải y tế cho các Bệnh viện theo cụm.**

### **3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị:**

| STT | Tên công trình, thiết bị                                                          | Công suất        | Số lượng    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------|
| 1   | Nhà đặt thiết bị xử lý chất thải nguy hại                                         | 60m <sup>2</sup> | 01 nhà      |
| 2   | Thiết bị vi sóng tích hợp cắt nhỏ trong cùng khoang xử lý (Steril Wave 250/250MC) | 35 – 65 kg/h     | 01 hệ thống |
| 3   | Xe ô tô chuyên dụng chở rác                                                       | 1,0 tấn          | 01 xe       |

### 3.2. Mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý:

| STT | Tên chất thải                          | Trạng thái | Số lượng (kg/năm) | Mã CTNH  | Phương án xử lý                                                         | Mức độ xử lý                                                                             |
|-----|----------------------------------------|------------|-------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Chất thải y tế nguy hại không sắc nhọn | Rắn        | 25.000            | 13 01 01 | Xử lý bằng hệ thống thiết bị khử khuẩn bằng vi sóng tích hợp nghiền cắt | QCVN 55:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm |

### 3.3. Địa bàn thu gom, xử lý:

- Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc
- Bệnh viện Đa khoa huyện Nga Sơn
- Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung
- Bệnh viện Đa khoa huyện Hoàng Hoá
- Các phòng khám, trạm y tế xã trong khu vực lân cận.

### 3.4. Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý chất thải nguy hại

Công nghệ xử lý chất thải nguy hại bằng thiết bị vi sóng tích hợp (Steril Wave 250/250MC) với quy trình hoạt động như sau: Chất thải rắn y tế không sắc nhọn → Khoang xử lý → Cắt nhỏ → Tiệt trùng bằng vi sóng → Xả chất thải vào túi đựng → Đưa lên xe đẩy → Nhà kho chứa rác thải sinh hoạt → Vận chuyển đi xử lý cùng với rác thải sinh hoạt của bệnh viện.

## B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý chất thải nguy hại của bệnh viện;
- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
- Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

## **PHỤ LỤC 4**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

### **C. CÁC NỘI DUNG BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẬU LỘC VÀ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN HẬU LỘC TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.**

#### **I. Đối với Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2020 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh về ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Chỉ được chuyển giao chất thải rắn nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Giảm thiểu ô nhiễm khí thải tại các khoa, phòng bệnh: Để giảm thiểu tác động do khí thải phát sinh tại các khoa, bệnh viện đã lắp đặt hệ thống các chụp hút, tủ hút, máy hút ẩm,... tại các khoa kết hợp với các biện pháp thông gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức (như: phòng ốc được bố trí máy điều hòa, quạt gió làm mát).

- Tại các khu nhà vệ sinh: đảm bảo hoạt động tốt các quạt hút đã lắp đặt để hút mùi nhà vệ sinh.

- Giảm thiểu bụi, khí thải cho toàn bệnh viện: Đảm bảo tỷ lệ cây xanh để điều hòa vi khí hậu cho bệnh viện.

- Đối với máy phát điện dự phòng: Đảm bảo bố trí máy phát điện cách xa các tòa nhà khám chữa bệnh, sử dụng nhiên liệu sạch đạt tiêu chuẩn.

- Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

**II. Đối với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc, chủ dự án “Xây dựng nhà khám chữa bệnh trung tâm Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc”:**

### **1. Thực hiện các biện pháp xử lý bụi, khí thải:**

- Xây dựng hệ thống tường rào tôn bao quanh khu vực xây dựng để hạn chế bụi và tiếng ồn ảnh hưởng đến hoạt động của bệnh viện và dân cư cạnh bệnh viện. Chiều dài 500m, cao 2,5m.

- Tại các khu vực phá dỡ hiện trạng, chủ đầu tư bố trí biển báo tại các khu vực thi công.

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hoá tới mức tối đa, các máy móc thi công hiện đại và hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao nhằm hạn chế tối đa phát sinh bụi từ khí thải.

- Không sử dụng phương tiện giao thông và máy móc quá cũ để vận chuyển nguyên đất đá đi đổ thải.

- Dùng lưới che chắn các tầng cao để giảm thiểu bụi, chất thải rắn phát tán ra môi trường không khí xung quanh.

- Không sử dụng phương tiện giao thông và máy móc quá cũ để vận chuyển nguyên vật liệu thi công công trình;

- Không chuyên chở vượt tải trọng kiểm định;

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị trên công trường;

- Các phương tiện vận chuyển phải được phủ bạt công nghiệp nhằm tránh rơi rớt và phát tán bụi, bạt được phủ kín thùng xe và buộc chặt.

## **2. Thực hiện các biện pháp xử lý nước thải:**

- Đối với nước thải từ quá trình rửa tay chân: thu gom và xử lý bằng 01 hố lắng tạm ( $V = 3,0 \text{ m}^3$ ), sau đó chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải xây dựng phát sinh: thu gom bằng rãnh thu gom và xử lý bằng hố lắng tạm ( $V = 6,0 \text{ m}^3$ ), nước thải sau khi lắng bỏ cặn chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải vệ sinh: Chủ dự án thuê 02 nhà vệ sinh di động để thu gom nước thải.

- Thường xuyên quét dọn để đảm bảo vệ sinh tại công trường, hạn chế tối đa các vật liệu rơi vãi.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét và khơi thông cống thải và hố ga đảm bảo không có các loại rác thải, đất đá cản trở dòng chảy.

- Phối hợp với Bệnh viện đầu nôi hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải từ khu nhà khám chữa bệnh trung tâm (do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc làm chủ đầu tư) vào hệ thống mương, rãnh thoát nước mưa, nước thải hiện trạng của Bệnh viện.

## **3. Thực hiện biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường:**

- Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom rác thải;

- Chất thải rắn trong quá trình phá dỡ hiện trạng và thi công: Đất đá thải, gạch ngói vỡ, bê tông, xi măng, vữa trộn thừa... thu gom, vận chuyển tập kết tạm tại bãi rác sinh hoạt đã ngừng sử dụng của thị trấn Hậu Lộc (theo biên bản thống nhất giữa Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc và UBND thị trấn Hậu Lộc). Sau khi hoàn thành việc thi công xây dựng Nhà khám chữa bệnh

trung tâm Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc, Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc có trách nhiệm thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Các loại chất thải rắn gồm: bìa cattông, các mẫu sắt thừa,...thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Đất đào hố móng công trình tận dụng đắp nền khuôn viên cây xanh và các hố trồng cây.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường khác thu gom và đem đến khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường tạm thời khoảng 5 m<sup>2</sup> để lưu giữ. Tại khu vực lưu giữ bố trí 3 thùng nhựa có dung tích 120 lít để lưu giữ và phân loại chất thải, khu vực lưu giữ có mái che, quây xung quanh. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

#### **4. Thực hiện biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại:**

- Bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy kín đặt tại khu vực lán trại để thu gom CTNH.

- Lưu giữ tại khu vực có diện tích 10m<sup>2</sup>, quây kín, có mái che, nền cao tránh nước mưa chảy tràn.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

#### **5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:**

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì gây ra ô nhiễm tiếng ồn lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công;

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án;

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dùng còi trong khu đông người;

- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho dự án không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường;

- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

#### **6. Thực hiện biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:**

- Sự cố về máy móc thiết bị: Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị tham gia thi công dự án.

- Sự cố ngập úng khu vực xung quanh: Thi công đúng tiến độ, đúng thiết kế xây dựng. Tránh làm rơi vãi các loại chất thải xuống hệ thống thoát nước làm tắc đường ống thoát nước của khu vực thực hiện dự án và khu vực xung quanh dự án.

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân và lập quy tắc an toàn lao động./.